

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG TRANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG TRANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG TRANG MANUFACTURE AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUONG TRANG PIE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110654100

**3. Ngày thành lập:** 19/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 287 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0397.928.267

Fax:

Email: [mr.truong220983@gmail.com](mailto:mr.truong220983@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Loại trừ: Hoạt động đầu giá                                                     | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>Loại trừ: Hoạt động đầu giá                                             | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Loại trừ: Hoạt động đầu giá                                                       | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                         | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Loại trừ: Hoạt động đầu giá                      | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>Loại trừ: Hoạt động đầu giá                                                                       | 4541     |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                    | 4542     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Loại trừ: Hoạt động đầu giá                                   | 4543     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá) | 4610     |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                 | 4620     |
| 11. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                         | 4631     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                     | 4632     |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                       | 4633     |
| 14. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                  | 4634     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu<br>- Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc                   | 4649        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651        |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652(Chính) |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4653        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu<br>- Mua bán trang thiết bị y tế | 4659        |
| 21. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4661        |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Loại trừ: Bán buôn vàng miếng, vàng nguyên liệu, súng, đạn, tem và tiền kim khí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4662        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663        |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Loại trừ: Bán buôn vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí; các hàng hóa mà Nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4669        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;<br>- Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299        |
| 26. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư<br>- Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (không bao gồm tư vấn pháp luật; hoạt động tín dụng; ngân hàng; kế toán; thuế và chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6619        |

|     |                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán buôn tổng hợp<br>Loại trừ: Bán buôn vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí; các hàng hóa mà Nhà nước cấm                                             | 4690 |
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                         | 4711 |
| 29. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                           | 4719 |
| 30. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4721 |
| 31. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4722 |
| 32. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4723 |
| 33. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4724 |
| 34. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                    | 4730 |
| 35. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                             | 2591 |
| 36. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                 | 2592 |
| 37. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                   | 2610 |
| 38. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                    | 2620 |
| 39. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                               | 2630 |
| 40. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                           | 2640 |
| 41. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                               | 2651 |
| 42. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                             | 2652 |
| 43. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                               | 2710 |
| 44. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                       | 2720 |
| 45. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                          | 2731 |
| 46. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                       | 2732 |
| 47. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                      | 2733 |
| 48. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                            | 2740 |
| 49. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                    | 2750 |
| 50. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                  | 2790 |
| 51. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí; các hàng hóa mà Nhà nước cấm; | 4774 |
| 52. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                      | 4791 |
| 53. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                          | 4931 |
| 54. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                             | 4932 |
| 55. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                               | 4933 |
| 56. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                      | 5012 |
| 57. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                        | 5021 |
| 58. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                          | 5022 |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 59. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 60. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                          | 5222 |
| 61. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                   | 5224 |
| 62. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                            | 5225 |
| 63. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan | 5229 |
| 64. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                         | 3312 |
| 65. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                             | 3313 |
| 66. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 67. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                             | 3319 |
| 68. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                            | 3320 |
| 69. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4741 |
| 70. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4742 |
| 71. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4751 |
| 72. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4752 |
| 73. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4753 |
| 74. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                            | 4759 |
| 75. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4761 |
| 76. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                         | 4763 |
| 77. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                           | 4764 |
| 78. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4771 |
| 79. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh        | 4772 |
| 80. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí; các hàng hóa mà Nhà nước cấm;                                                             | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Ho và tên: TRẦN GIA NHẬT TRƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 22/09/1983      Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020083005618

Ngày cấp: 05/05/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 28 Nguyễn Tri Phương, khối 1, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 28 Nguyễn Tri Phương, khối 1, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **TRẦN GIA NHẬT TRƯỜNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/09/1983

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020083005618

Ngày cấp: 05/05/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 28 Nguyễn Tri Phương, khối 1, Phường Vĩnh Trại, Thành phố  
Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 28 Nguyễn Tri Phương, khối 1, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội